

## Bài 1: Con hãy kéo và thả vào các ô tương ứng

|      |        |         |       |        |
|------|--------|---------|-------|--------|
| LEFT | A3     | MID     | RIGHT | \$E\$1 |
| SUM  | \$C4   | AVERAGE | G1    | MIN    |
| MAX  | \$E\$1 | VALUE   | COUNT | H\$9   |

|                 |  |  |
|-----------------|--|--|
| Hàm xử lý chuỗi |  |  |
|                 |  |  |
|                 |  |  |

|              |  |  |
|--------------|--|--|
| Hàm thống kê |  |  |
|              |  |  |
|              |  |  |

|                   |  |  |
|-------------------|--|--|
| Địa chỉ tương đối |  |  |
|-------------------|--|--|

|                   |  |  |
|-------------------|--|--|
| Địa chỉ tuyệt đối |  |  |
|-------------------|--|--|

|                 |  |  |
|-----------------|--|--|
| Địa chỉ hỗn hợp |  |  |
|-----------------|--|--|

## Bài 2: Con hãy nối các chức năng tương ứng của Sheet?

|                  |   |
|------------------|---|
| Insert...        | ◆ |
| Delete           | ◆ |
| Rename           | ◆ |
| Move or Copy...  | ◆ |
| Protect Sheet... | ◆ |
| Tab Color        | ◆ |
| Hide             | ◆ |

|   |                         |
|---|-------------------------|
| ◆ | Xoá Sheet               |
| ◆ | Sao chép hoặc di chuyển |
| ◆ | Chèn thêm Sheet mới     |
| ◆ | Đổi tên Sheet           |
| ◆ | Ẩn Sheet                |
| ◆ | Đặt mật khẩu Sheet      |
| ◆ | Tô màu Sheet            |

### **Bài 3: Con hãy chọn đáp án đúng?**

**Left**(Chuỗi, n)

**Sum**(Giá trị 1, Giá trị 2...,n)

**Right**(Chuỗi, n)

**Count**(Giá trị 1, Giá trị 2...,n)

**Value**(Chuỗi)

**Min**(Giá trị 1, Giá trị 2...,n)

**Mid**(Chuỗi, m,n)

**Max**(Giá trị 1, Giá trị 2...,n)

**Average**(Giá trị 1, Giá trị 2...,n)

### **Bài 4: Con hãy điền kết quả của các hàm sau?**

**Left**("Thank you", 3)



**Right**("Thank you", 3)



**Mid**("Thank you", 2, 4)



**Value**("0016")



|                 |   |  |
|-----------------|---|--|
| Max(4,3,7)      | → |  |
| Sum(7,3,4)      | → |  |
| Count(1,3,1)    | → |  |
| Min(7,9,4)      | → |  |
| Sum(4,Max(3,7)) | → |  |
| Average(1,3,5)  | → |  |

### Bài 5: Con hãy chọn đáp án đúng?

😊 Hệ là 1 ký tự **đầu** của Mã HS?

|   | A            | B         |
|---|--------------|-----------|
| 1 | <b>Mã HS</b> | <b>Hệ</b> |
| 2 | AHS0056A2    | ?         |
| 3 | BHS0026A3    |           |
| 4 | AHS0071A1    |           |
| 5 | BHS0089A3    |           |

Left(A2,1)

Right(A2,1)

Mid(A2,1,1)

Left(A1,1)

😊 Lớp là 3 ký tự **cuối** của Mã HS?

|   | A            | C          |
|---|--------------|------------|
| 1 | <b>Mã HS</b> | <b>Lớp</b> |
| 2 | AHS0056A2    | ?          |
| 3 | BHS0026A3    |            |
| 4 | AHS0071A1    |            |

Left(A2,3)

Right(A2,3)

Mid(A2,3,1)

Left(A1,3)



**Số báo danh** là 5 ký tự (Ký tự thứ 2,3,4,5,6) của Mã HS

|   | A         | D           |
|---|-----------|-------------|
| 1 | Mã HS     | Số báo danh |
| 2 | AHS0056A2 | ?           |
| 3 | BHS0026A3 |             |
| 4 | AHS0071A1 |             |
| 5 | BHS0089A3 |             |

Left(A2,5)

Right(A2,5)

Mid(A2,2,5)

Mid(A2,5,2)



**Nhóm** là Ký tự thứ 4,5,6 của Mã HS

|   | A         | E    |
|---|-----------|------|
| 1 | Mã HS     | Nhóm |
| 2 | AHS0056A2 | ?    |
| 3 | BHS0026A3 |      |
| 4 | AHS0071A1 |      |

Left(A2,3)

Right(A2,3)

Mid(A2,4,3)

Mid(A2,3,4)



**Tổ** là ký tự cuối của Mã HS và chuyển sang kiểu số

|   | A         | F  |
|---|-----------|----|
| 1 | Mã HS     | Tổ |
| 2 | AHS0056A2 | ?  |
| 3 | BHS0026A3 |    |
| 4 | AHS0071A1 |    |
| 5 | BHS0089A3 |    |

Value(Left(A2,1))

Right(A2,1)

Value(Right(A2,1))

Mid(A2,1)



## Tổng điểm các môn học?

|   | A         | B    | C       | D         |
|---|-----------|------|---------|-----------|
| 1 | Môn       | Toán | Ngữ văn | Tiếng Anh |
| 2 | Điểm      | 9.5  | 8       | 6.5       |
| 3 | Tổng điểm |      | ?       |           |

Sum(B2:D2)

Average (B2:D2)

Count(B2:D2)

Min(B2:D2)



## Điểm trung bình: Các môn học?

|   | A               | B    | C       | D         |
|---|-----------------|------|---------|-----------|
| 1 | Môn             | Toán | Ngữ văn | Tiếng Anh |
| 2 | Điểm            | 9.5  | 8       | 6.5       |
| 3 | Điểm trung bình |      | ?       |           |

Sum(B2:D2)

Average (B2:D2)

Count(B2:D2)

Min(B2:D2)



## Tổng số môn học?

|   | A               | B    | C       | D         |
|---|-----------------|------|---------|-----------|
| 1 | Môn             | Toán | Ngữ văn | Tiếng Anh |
| 2 | Điểm            | 9.5  | 8       | 6.5       |
| 3 | Tổng số môn học |      | ?       |           |

Sum(B2:D2)

Average (B2:D2)

Count(B2:D2)

Min(B2:D2)



## MIN(2, 20, 1, 23, 5) cho kết quả?

2

20

1

5



## Min(20, 7, 3, Sum(2, 5, 1)) Kết quả?

1

2

3

20



## Average(3, 5, 1) + Max(6, 8, 1) kết quả?

20

11

29

50



## Max(12, 32, 23, 13, 21) kết quả?

23

21

32

13